

KINH PHÁP CÚ THÍ DỤ

QUYỂN 2

PHẨM 14: DỤ HOA HƯƠNG

Thí dụ 28:

Thuở xưa, Đức Phật mới đắc đạo giáo hóa tại thành La-duyệt-kỳ rồi chuyển đến nước Xá-vệ. Vua nước Xá-vệ và quần thần vô cùng tôn kính Đức Phật. Lúc đó có một vị đại thương gia tên là Ba-lợi cùng năm trăm thương khách ra biển tìm châu báu. Giữa biển, đoàn thương buôn gặp một vị hải thần đưa ra một vốc nước ngọt hỏi Ba-lợi:

–Nước biển nhiều hay nước trong vốc tay này nhiều?

Ba-lợi đáp:

–Vốc nước này nhiều. Vì sao? Nước biển tuy nhiều mà vô ích, lúc cần không thể cứu cho người đói khát. Vốc nước này tuy ít mà gặp kẻ khát đem cho họ có thể cứu được mạng sống. Nhờ đó đời đời hưởng phước không thể tính đếm.

Hải thần nghe xong hoan hỷ khen lành

thay, rồi cỡi xâu chuỗi hương anh làm bằng thất bảo trên thân biểu cho Ba-lợi và hộ tống thuyền trở về nước Xá-vệ bình yên vô sự.

Về nước, Ba-lợi mang xâu chuỗi hương anh dâng lên vua Ba-tư-nặc, kể rõ đầu đuôi câu chuyện, rồi thưa:

–Xâu chuỗi hương anh không phải là món đồ trang sức của kẻ tiểu nhân này, nên nay đem dâng lên vua xin hãy nhận cho.

Vua nhận được chuỗi ngọc cho là vật kỳ lạ quý hiếm, liền cho gọi các phu nhân ra trình diện, vị nào đẹp nhất sẽ cho xâu chuỗi hương anh này. Tất cả sáu vạn phu nhân đều trang điểm lộng lẫy bước ra, nhưng lại thiếu Mạt-lợi phu nhân. Vua hỏi:

– Mạt-lợi phu nhân sao lại không ra?

Thị nữ tâu:

–Hôm nay là ngày rằm, Mạt-lợi giữ trai giới mặc đồ trắng không hợp lễ nghiêm cách nên không ra.

Vua liền nổi giận cho người bảo: “Trì trai giới mà dám trái lệnh của vua sao?”.

Gọi ba lần như vậy, Mạt-lợi phu nhân mới bước ra. Bà không trang điểm chỉ mặc đồ trắng đơn sơ, song đứng giữa mọi người, sắc

đẹp và phong cách lại sáng rõ như mặt trời mặt trăng, gấp bội lúc bình thường. Vua giật mình kính nể hỏi:

–Khanh nhờ công đức gì mà thần sắc rạng rỡ đặc biệt như thế?

Phu nhân tâu vua:

–Thiếp tự nghĩ mình thiếu phước nên phải chịu mang thân người nữ. Những tâm lý xấu xa, nhỏ nhen chất chứa như núi. Mạng người ngắn ngủi sợ đọa vào tam đồ, nên hàng tháng phụng trì trai giới, cắt ái theo đạo, đời đời mong được hưởng phước.”

Vua nghe xong hoan hỷ liền ban cho Mặt-lợi xâu chuỗi hương anh.

Phu nhân từ tạ:

–Thiếp nay trì trai không thích hợp đeo đồ trang sức, xin cho vị khác.”

Vua nói:

–Tôi có ý tặng chuỗi ngọc này cho người nào đẹp nhất. Nay khanh đẹp nhất, lại biết trì trai phụng đạo, ý chí cao thượng nên ta tặng cho khanh. Nếu khanh không chịu nhận ta xử trí sao đây?

Phu nhân đáp:

–Xin vua đừng buồn, hãy thuận ý cùng

thiếp đến chỗ Đức Phật dâng chuỗi ngọc này lên cúng dường, để nhận được lời giáo huấn của Bậc Thánh sẽ hưởng phước lạc muôn đời.”

Vua đồng ý, liền cho thẳng xa giá đến chỗ Đức Phật, đánh lễ sát đất, rồi ngồi qua một bên thưa với Đức Phật:

–Đây là chuỗi ngọc hương anh của hải thần tặng cho Ba-lợi. Ông ấy đem dâng lên con. Sáu muôn phu nhân không ai chẳng thích, nhưng Mạt-lợi phu nhân được tặng lại không nhận, do vì trì Phật pháp trai giới tâm không tham dục. Nay chúng con thành tâm dâng lên Đức Thế Tôn, xin hãy thù từ nạp thọ. Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử Phật kiên tâm gìn giữ trai giới, tín tâm kiên cố như vậy, có phước đức chẳng?

Lúc đó Đức Thế Tôn vì lòng thành của vua và phu nhân nhận chuỗi ngọc, rồi nói kệ khai thị:

*Làm nhiều hoa báu
Kết thành tràng đẹp
Tích nhiều hương đức
Mỗi đời phúc hơn.
Hoa thơm hay cỏ lạ*

*Hương không ngược gió
Gần đạo người ấy
Đức tỏa muôn phương.
Chiên-đàn thơm ngát
Sen xanh ngạt ngào
Tuy hương thơm thật
Sao sánh giới hương?
Hương hoa thơm ngát
Chẳng phải thật thơm
Hương của trì giới
Vượt đến cõi trời!
Giới thành tựu đủ
Hạnh chẳng buông lung
Định ý giải thoát
Lìa xa đường ma.*

Đức Phật nói kệ xong, lại bảo vua:

–Công đức phước báo của trai giới thật đáng ca ngợi rộng rãi. Dầu cho đem đến tất cả trần bảo khắp mười sáu nước lớn trong thiên hạ ra bố thí, công đức này so với công đức Mạt-lợi phu nhân một ngày một đêm trì trai giới trong Phật pháp không bằng trong muôn một, như hạt đậu sánh với núi Tu-di, trì trai tích phước tu tuệ có thể đến Niết-bàn.

Vua, phu nhân và quần thần nghe xong ai

cũng hoan hỷ y giáo phụng hành.

M

Thí dụ 29:

Thuở xưa Đức Phật trú trên núi Kỳ-xà-quật thành La-duyệt-kỳ. Lúc đó, trong thành có năm mươi chàng thanh niên con các bậc trưởng giả đến chỗ Phật đánh lễ rồi ngồi qua một bên. Đức Phật thuyết giảng cho họ nghe các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, ân ái như giấc mộng, gặp gỡ sẽ phân ly, giàu sang danh vọng vẫn khổ đau, chỉ có Niết-bàn dứt hẳn sinh tử, không còn tai ương mới là đại an lạc.

Nghe pháp xong, năm mươi vị này tâm vô cùng hoan hỷ, xin làm đệ tử. Đức Phật nói:

–Lành thay, hãy lại đây các Tỳ-kheo.

Các vị ấy râu tóc tự rụng, pháp phục tự đầy đủ, liền thành Sa-môn.

Các vị tân Tỳ-kheo có bạn bè quen biết là những vị trưởng giả, nghe tin họ xuất gia hoan hỷ tìm đến thăm và khen ngợi:

–Các vị thật phước đức biết bao mới có được chí hướng này!

Rồi họ thỉnh Đức Phật và chúng Tăng ngày

mai về nhà họ thọ trai.

Ngày mai, Đức Phật và đại chúng đến đó thọ trai, xong rồi thuyết pháp đến chiều mới về. Các vị tân Tỳ-kheo bỗng lưu luyến gia đình quyến thuộc, muốn trở về nhà. Đức Phật biết ý dẫn họ ra khỏi cổng thành, thấy trong nương ruộng bùn lầy dơ dáy đầy phần rác lại mọc lên những đóa hoa sen hương sắc thơm sạch, tỏa ngát lán át mùi hôi. Đức Phật liền bước lại gần và nói bài kệ:

*Như ruộng rãnh hôi dơ
Bên đường cái nằm tro
Hoa sen mọc trong đó
Thơm sạch đẹp ý người.
Cũng vậy giữa phàm phu
Bị sinh tử cầm tù
Người trí vui giải thoát
Làm Phật tử tiến tu.*

Đức Phật nói kệ xong liền trở về núi. Tôn giả A-nan đến trước thưa Phật:

–Lúc này, Đức Thế Tôn đến bên nương ruộng có nói hai bài kệ mà chúng con chưa rõ nghĩa. Xin Phật hãy vì chúng con mà giải thích kỹ càng.

Đức Phật hỏi A-nan:

–Ông có thấy trong vũng bùn lầy phần rác
nhờ nhớt mà mọc lên hoa sen chẳng?

Ngài A-nan thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật bảo:

–Này A-nan, người sống lần lữa trong đời,
tuổi định một trăm, khi thọ khi yếu. Vợ con ân
ái, đói khát nóng lạnh, lúc buồn lúc vui, một
hung, hai kiệt, ba độc, bốn đảo, năm ám, sáu
nhập, bảy thức, tám tà, chín não, mười ác,
giống như nương ruộng chứa đầy phần rác,
sinh lầy bất tịnh. Nếu có người giác ngộ cõi
đời là vô thường, phát tâm học đạo tu hạnh
thanh tịnh, tâm an định, dứt hết vọng tưởng
chúng được đạo quả. Đây cũng giống hoa sen
thơm sạch mọc lên giữa bùn nhơ. Những vị đó
mình đã đắc đạo lại độ cho thân tộc, tất cả
chúng sinh đều được khai ngộ. Đây giống như
mùi thơm của hoa sen lấn át mùi hôi hám.

Năm mươi vị tân Tỳ-kheo nghe Đức Phật
dạy xong, tâm chí tinh tấn kiên cố, chúng
được quả A-la-hán.

M

Phẩm 15: NGU ÁM

Thí dụ 30:

Thuở xưa Đức Phật trú tại nước Xá-vệ. Trong thành có một vị Bà-la-môn tuổi gần tám mươi, giàu có vô cùng. Nhưng ông lại là người ngu ám ngoan cố, keo kiệt xan tham khó độ, không tin đạo đức, không biết vô thường, ham thích cất nhà to lớn đẹp đẽ. Ông cất nhà trên, nhà dưới, đài hóng mát, nhà sưởi ấm, dãy bên Đông, dãy bên Tây... cả mấy mươi gian, duy chỉ còn mái hiên che nắng căn nhà sau là chưa xong. Lúc đó vị Bà-la-môn để hết tâm trí lo chỉ huy mọi người làm việc. Đức Phật dùng Phật nhãn thấy mạng ông sống không hết ngày hôm đó. Thế mà ông không tự biết, cứ mãi miết lo tính toán nhọc nhằn, đến nỗi thân tâm tiêu tụy, thật vô phước đáng thương!

Đức Phật cùng A-nan đi đến nhà ông, thăm hỏi:

—Ông có một nhọc lắm không? Nhà cửa nhiều như vậy dùng để ai ở?

Ông lão đáp:

—Nhà trước dùng tiếp khách, nhà sau để ở,

hai dây bên Đông bên Tây dành cho dâu con, tô tó và cát chứa của cải. Mùa hạ thì lên đài hóng mát, mùa đông lại vào phòng sưởi ấm.

Đức Phật nói:

–Đã lâu nghe danh đức của ông, mà nay mới có dịp trò chuyện. Tôi có một bài kệ quan trọng có ích lợi cho việc tồn vong suy thịnh, muốn đem tặng ông. Không biết ông có vui lòng nghỉ tay ngồi nói chuyện một chút không?

Ông lão đáp:

–Hôm nay bận lắm, không thể ngồi trò chuyện, xin hẹn hôm khác đến sẽ thông thả luận bàn. Còn bài kệ quan trọng gì đó xin nói ngay đi.

Lúc ấy Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

*Có con, có của
Người ngu rộn ràng
Ta còn không thật
Lo gì của, con.
Nóng ở chỗ này
Lạnh ở chỗ kia
Người ngu lo
Không biết đổi thay.
Kẻ ngu cực cùng*

*Tự cho là trí
Ngu mà tưởng trí
Chính là cực ngu!*

Vị Bà-la-môn nghe xong nói:

–Bài kệ này hay thật, nhưng hôm nay tôi rất bận, xin bữa khác hãy đến bàn luận.

Đức Phật chỉ biết xót thương ra đi. Ông lão sau đó đích thân đỡ cây đòn dông lên, không ngờ cây đòn dông rơi xuống trúng vỡ đầu chết! Con cháu than khóc động cả hàng xóm xung quanh.

Đức Phật đi chưa bao xa liền xảy ra biến cố này. Khi Phật đến đầu làng gặp vài mươi người Bà-la-môn, họ hỏi Phật:

–Ngài từ đâu lại?

Đức Phật đáp:

–Ta đã đến nhà ông lão mới chết để thuyết pháp cho ông nghe. Nhưng ông ta không tin lời Phật, không biết lẽ vô thường, giờ đây bỗng chốc đã sang đời khác!

Rồi Đức Phật nói lại bài kệ trước cho các vị Bà-la-môn nghe, ai nấy đều hoan hỷ chứng được pháp nhãn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Ngu gần người trí

*Như muống múc vị
Dầu gòn rất lâu
Vẫn không biết pháp.
Thông đạt gòn trí
Như lười ném vị
Dầu gòn giây lát
Liên hiểu đạo mâu.
Người ngu làm gì
Thân cũng rước họa
Thích ý làm ác
Tự chuốc tai ương.
Làm điều bất thiện
Xét lại, ăn năn
Tràn rơi nước mắt
Quả tụ từ lâu.*

Các Bà-la-môn nghe thêm bài kệ này lòng tin càng kiên cố, đánh lễ Đức Phật rồi hoan hỷ phụng hành.

M

Thí dụ 31:

Thuở xưa, Đức Phật trú ở tinh xá Cấp cô độc tại nước Xá-vệ vì hàng trời, người thuyết pháp. Lúc ấy vua Ba-tư-nặc có một người con gái góa bụa là Kim Cương, tuổi còn trẻ mà đã

thành quả phụ, nay về ở với cha mẹ. Vua và hoàng hậu rất thương xót, xây riêng một tòa cung điện và cho năm trăm thị nữ đàn hay múa giỏi phục vụ cho nàng vui. Trong số đó có một cô thị nữ lớn tuổi tên là Độ Thắng, thường ngày đi chợ mua phấn sáp hương hoa. Một hôm đi chợ, cô thấy rất đông người mang hương hoa đi ra ngoài thành đến chỗ Phật. Cô ngạc nhiên hỏi thăm, thì được trả lời:

–Đức Phật là Bạc Tôn Quý trong ba cõi đang ra đời cứu độ chúng sinh khỏi khổ não, được Niết-bàn.

Độ Thắng nghe xong tâm sinh hoan hỷ, liền tự nghĩ:

–Mình lớn tuổi rồi mà còn được gặp Phật thì thật là duyên phước đời trước.” Nghĩ xong cô bèn lấy một phần tiền mua hương mua hoa tươi đẹp theo mọi người đến chỗ Đức Phật. Đến nơi nàng đánh lễ rồi mới đứng lên rải hoa, đốt hương, nhất tâm nghe pháp. Sau đó Độ Thắng trở lại chợ mua hương ra về. Nhờ công đức nghe pháp và phước báo đời trước khởi theo nên hương nàng đem về thơm ngào ngạt gấp đôi lúc thường.

Thấy Độ Thắng về muện mọi người cùng

gạn hỏi lý do, Độ Thắng bèn kể lại mọi chuyện và nói:

–Hiện nay có Bạc Tồi Tôn trong tam giới, giống tiếng trống Vô thượng pháp, chấn động khắp Tam thiên thế giới. Có vô số người đến đó nghe pháp, tôi thật vì theo nghe nên trở về trễ.

Các thị nữ vừa hoan hỷ vừa buồn bã tự than rằng: “Chúng ta tội chướng gì sao lại không được nghe pháp.” Rồi họ cùng nhau nhờ Độ Thắng nói lại cho nghe. Độ Thắng đáp:

–Thân tôi hạ tiện, miệng tôi ô uế không dám tùy tiện nói. Nay xin đến gặp Đức Phật hỏi lại, nếu Ngài đồng ý thì xin tuân mệnh nói lại.

Kim Cương sai Độ Thắng lại đến chỗ Phật thỉnh ý. Đức Phật đồng ý và dạy cho cô những nghi thức thuyết pháp.

Trong khi Độ Thắng chưa về, Kim Cương và các thị nữ hồi hộp ra sân đứng đón, như con chờ mẹ.

Đức Phật bảo với Độ Thắng:

–Con trở về thuyết pháp sẽ độ thoát nhiều người. Nghi thức thuyết pháp trước nên lập

một tòa cao, rồi ngồi trên đó giảng pháp.

Độ Thắng vâng lời Phật dạy, trở về thưa lại Thánh ý. Kim Cương và hơn năm trăm thị nữ vô cùng hoan hỷ, cùng nhau cởi áo ngoài chắt lại làm tòa cao. Độ Thắng tắm rửa, rồi thừa oai thần của Phật thăng tòa thuyết pháp. Kim Cương và hơn năm trăm thị nữ dứt hết nghi ngờ, không còn ác kiến chứng được quả Tu-đà-hoàn.

Do vì quá hoan hỷ thuyết pháp và nghe pháp nên khi xảy ra hỏa hoạn mọi người không hay. Tất cả đều chết cháy và được sinh lên cõi trời. Vua Ba-tư-nặc hay tin liền dẫn người đến cứu. Nhưng khi đến nơi tất cả đều đã chết cháy. Vua chỉ còn biết than lượm thì hài lo việc chôn cất. Mọi việc xong, vua đến chỗ Đức Phật đánh lễ rồi ngồi qua một bên như thường lệ. Đức Phật hỏi:

–Vua đến có việc gì vậy?

Vua chấp tay thưa:

–Con gái con là Kim Cương và hơn năm trăm thị nữ chẳng may bị lửa thiêu chết. Con vừa lo việc chôn cất xong. Chẳng biết Kim Cương và bọn họ mang tội gì mà bị lửa thiêu như vậy. Xin Đức Thế Tôn giảng cho con

biết.

Đức Phật mới kể:

–Đời quá khứ có một thành tên là Ba-la-nại. Trong thành có một người vợ trưởng giả dẫn năm trăm thể nữ ra ngoài thành tế tự tại ngôi miếu lớn. Cách họ cúng tế rất khắc nghiệt, người ngoài không được đến gần. Không luận thân sơ, nếu ai vi phạm đến gần sẽ bị ném vào lửa. Lúc đó, có một vị Bích-chi-phật tên là Ca-la ở trong núi. Mỗi ngày, lúc sáng sớm vào thành khất thực đến chiều lại về. Hôm đó Ca-la đi khất thực ngang qua ngôi miếu tế tự ngoài thành kia. Vợ trưởng giả thấy vậy nổi giận, cùng nhau bắt Ca-la ném vào lửa. Thân Ca-la liền bị thiêu cháy, bỗng nhiên ngài hiện thân thông bay lên hư không. Các cô vô cùng kinh hãi, khóc lóc sám hối, quỳ gối đánh lễ rồi tự thưa rằng: “Người nữ chúng con ngu xuẩn không biết ngài là bậc Chí chân nên đã lỡ làm hủy nhục Thánh tăng. Chúng con tự nghĩ tội ác của mình thật nhiều như núi, nên xin quy y Tôn đức để tiêu trọng tội.”

Vị Bích-chi-phật nghe xong liền hạ thân xuống, nhập Niết-bàn. Các cô liền xây tháp cúng dường xá-lợi.

Đức Phật kể đến đó liền nói kệ:

*Người ngu làm ác
Không thể tự giải
Tội thành, họa đến
Thieu đốt thân tâm.
Ngu nên vọng tưởng
Chẳng xét khổ vương
Lúc lâm ách nạn
Bất thiện mới tường.*

Đức Phật nói với vua:

–Vợ trưởng giả ngày đó chính là Kim Cương con gái vua hiện nay. Năm trăm vị thị nữ thuở xưa chính là nhóm Độ Thắng năm trăm tì nữ kia vậy. Tội phước dầu lâu vẫn không mất. Thiện ác theo người như bóng theo hình.

Lúc Đức Phật nói pháp này, nhân dân trong nước đều tin phục hoan hỷ, quy y Tam bảo, thọ Ngũ giới, thấy được lẽ đạo.

M

Phẩm 16: MINH TRIẾT

Thí dụ 32:

Thuở xưa có một vị Bà-la-môn tuổi mới hai

mười mà có thiên tài bẩm sinh, mọi việc lớn nhỏ liếc qua liền biết. Anh ta tự cho mình là minh triết, thề rằng: “Quyết sẽ thông hiểu hết những kỹ thuật trong thiên hạ, nếu còn một nghề nào chưa thông thì chưa phải là minh triết.” Do đó, vị Bà-la-môn đi tu học với tất cả mọi thầy hay, lục nghệ tạp thuật, thiên văn, địa lý, y học, thuật trấn áp núi lở động đất, thông thạo kỹ nhạc, cắt may, thêu thùa, nấu nướng bếp núc... nói chung mọi việc trong đời đều biết. Bà-la-môn tự nghĩ: “Mình giỏi như vậy, ai mà sánh bằng mình, hãy thử đi qua các nước, thi thố tài nghệ chiết phục mọi người để danh vang bốn biển, kỹ thuật thấu trời xanh, tên tuổi lưu lại trong sử sách trăm đời sau.”

Thế rồi, vị ấy đi khắp nơi. Đến một nước, anh vào chợ gặp một người thợ làm cung tên đang ngồi tách dây gân, chuốt mũi tên, tay làm thoăn thoắt. Mọi người chen lấn nhau mua. Bà-la-môn tự nghĩ: “Sở học của ta tưởng đã đầy đủ, không ngờ coi thường không học làm cung, nếu cùng người ấy thi tài ta chắc chắn sẽ thua. Ta nên theo vị ấy học nghề.” Nghĩ xong, anh bèn bái vị thợ cung làm thầy,

dốc lòng học hỏi. Không bao lâu, anh đã biết cách làm cung chuốt tên, khéo léo còn hơn cả thầy. Anh trả tiền công cho thầy rồi từ giã ra đi.

Đến nước khác, khi sắp qua sông anh gặp một vị thuyền sư lèo lái thuyền tới lui, qua lại, lượn vòng một cách khéo léo, nhanh nhẹn như bay, thật chưa từng thấy! Anh tự nghĩ: “Mình tuy biết nhiều nghề, xong chưa từng học lái thuyền. Đây dù chỉ là một nghề mọn, ta cũng nên học qua cho biết.” Anh liền xin học nghề với vị thuyền sư, nhờ siêng năng thờ thầy, hết lòng học tập chẳng bao lâu anh đã nắm vững mọi kỹ thuật lái thuyền, còn nhanh nhẹn khéo léo hơn cả thầy. Sau đó anh ta trả công từ giã thầy ra đi.

Vị Bà-la-môn đi đến một nước khác, thấy cung điện của vua này nguy nga lộng lẫy nhất trong thiên hạ. Anh liền nghĩ: “Người thợ xây cất cung điện này thật là hay khéo. Sao ta trước giờ không chịu học môn này, nếu cùng với người thợ đó thi tài chắc chắn sẽ thua! Ta phải theo học mới vừa lòng.”

Anh xin làm đệ tử với người thợ xây cất cung điện. Nhờ sự tận tâm lo lắng cho thầy,

chịu cực chịu khổ học nghề, chẳng bao lâu anh đã nắm vững mọi kỹ thuật kiến trúc và điêu khắc trang trí. Tài ba của anh còn vượt hơn cả thầy. Anh tặng thầy tất cả tiền bạc rồi ra đi. Bà-la-môn đi khắp mười sáu nước lớn trong thiên hạ, thách mọi người thi tài mà không có ai dám. Nhân đó, sinh tâm cống cao tự đại, cho rằng: “Trong đời này còn ai hơn ta nữa?”.

Lúc ấy Đức Phật ở tinh xá Kỳ viên từ xa thấy vị ấy, biết rằng có thể độ được, Ngài liền dùng thần thông hóa ra một vị Sa-môn cầm tích trượng ôm bình bát đến trước người đó. Trong nước, lúc ấy chưa có đạo pháp, chưa từng thấy Sa-môn nên vị Bà-la-môn thấy làm lạ không biết đó là hạng người gì. Ông định hỏi thăm thì Sa-môn đã đến cạnh bên. Ông liền hỏi:

–Phép tắc của trăm đời vua chưa thấy ai như ông. Cách phục sức nơi nơi chưa có thứ y phục này. Những vật lạ trong tông miếu tôi từng thấy qua, song không thứ nào giống bình bát ông cầm. Ông là ai mà hình dáng trang phục khác thường như vậy?

Vị Sa-môn trả lời:

–Tôi là người tự điều phục mình.
Vị Bà-la-môn ngạc nhiên hỏi tiếp:

–Sao gọi là tự điều phục mình?

Bấy giờ vị Sa-môn bèn dựa vào sự học tập của ông Bà-la-môn mà nói kệ:

*Thọ cung chuốt tên
Thuyền sư lái thuyền
Thọ mộc khắc gỗ
Người trí điều thân.
Như tảng đá lớn
Gió thổi chẳng động
Người trí tâm an
Khen chê chẳng đổi.
Như vực nước thật sâu
Trong lặng, một màu
Người trí nghe đạo
Tâm tịnh hết sầu.*

Vị Sa-môn nói kệ xong, bay lên hư không, hiện lại thân Phật với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm, hào quang rực rỡ chiếu khắp đất trời. Rồi Đức Phật lại hạ xuống đất, nói với vị Bà-la-môn:

–Đây chính là sức điều phục mình biến hóa ra trong đạo của Ta.

Bà-la-môn liền quỳ mọp sát đất đánh lễ, rồi

hỏi:

–Xin cho biết yếu chỉ điều phục mình?

Đức Phật đáp:

–Năm Giới, mười Thiện, sáu Độ, bốn Tâm bình đẳng, bốn Thiên, ba môn Giải thoát chính là pháp yếu điều phục mình. Các kỹ thuật như làm cung, lái thuyền, điêu khắc, thuật lạ... đều là việc trang sức bên ngoài. Tâm ý buông lung chạy theo đuổi bắt chúng là đi vào đường sinh tử vậy.

Bà-la-môn nghe xong, hoan hỷ xin làm đệ tử Phật. Đức Phật bảo:

–Lành thay, hãy lại đây Tỳ-kheo! Vị Bà-la-môn râu tóc liền tự rụng, thành Sa-môn. Sau đó, Đức Phật giảng cho vị ấy nghe các pháp yếu như Tứ đế, Bát giải thoát. Vị ấy tư duy quán chiếu liền chứng quả A-la-hán.

M

Thí dụ 33:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại nước Xá-vệ. Trong nước cách thành năm trăm dặm có một làng sơn cước gồm năm mươi gia đình. Trong làng, có một gia đình nghèo. Người vợ chủ nhà mang thai mười tháng song sinh được hai đứa bé trai rất xinh đẹp. Hai vợ chồng rất thương con, đặt tên cho một đứa là Song Đức, một đứa là Song Phúc. Sinh ra gần được hai tháng, một hôm nhân lúc người mẹ ra ngoài kiếm củi, còn người cha nằm nghỉ trên giường sau khi chăn trâu về, hai đứa nhìn quanh quất không thấy cha mẹ bèn than thở với nhau. Một đứa nói:

–Đời trước tôi sắp đắc đạo, lại khởi ý ngu si cho rằng mạng sống là thường, nên đã lui sụt, trôi lăn trong sinh tử không biết bao nhiêu kiếp. Nay sinh làm con trong gia đình nghèo này, ở nhà tranh, đắp tã rách, ăn uống kham khổ để nuôi thân, không biết đến chừng nào mới đắc đạo! Đây cũng là do đời trước tham luyến giàu sang, buông lung tình ý, tìm vui trong chốc lát mà từ đó đến nay phải chịu biết bao nhiêu đau khổ. Nay còn biết nhờ cậy vào

ai?

Đứa kia nói:

–Tôi kiếp xưa, chỉ hơi ngại khó chuyện chuyên cần nhất thời, rốt lại không lo tinh tấn tu tập nên nhiều đời gặp phải khổ hoạn. Đây là mình làm mình chịu, không phải cha mẹ gây ra. Chúng ta phải chịu đựng còn than thở gì?

Người cha nghe con nói vô cùng quái lạ, suy nghĩ: “Đây chắc là ma quỷ đầu thai, ắt có tai biến. Làm gì trẻ con mới mấy mươi ngày mà đã biết nói. Sợ rằng ngày sau chúng giết cha mẹ, hại thân tộc. Nhân lúc chúng còn nhỏ chưa lớn ta nên giết đi để trừ hậu hoạn.”

Nghĩ vậy xong, ông lén ra khỏi nhà đóng cửa lại, ra đồng lấy củi về định đốt chết hai con. Người vợ trở về hỏi chồng lấy củi làm chi. Người chồng đáp:

–Thật là chuyện kinh quái! Mấy đứa con còn nhỏ mà đã biết nói chuyện. Đây chính là ma quỷ, chắc sẽ làm hại gia tộc, nên tôi định giết chúng ngay lúc nhỏ.

Người mẹ nghe xong, ngạc nhiên do dự chưa tin. Bà bảo với chồng hãy tạm chờ vài bữa nữa rồi sẽ tính.

Sáng hôm sau, hai vợ chồng lén ra ngoài, núp bên cửa rình nghe, quả nhiên thấy hai đứa trẻ than thở với nhau y như cũ. Hai người quyết tâm lần này chắt củi đốt chết hai đứa con. Đức Phật với Thiên nhân thấy được việc này, thương cho hai đứa trẻ có túc phước đáng độ nên đến làng đó phóng hào quang rực rỡ, trời đất rung động, vạn vật đều trở nên sắc vàng. Dân làng ai cũng kinh ngạc, hoan hỷ đến chỗ Phật đánh lễ vì biết đây là Bạch Chí Tôn trong tam giới. Đức Phật đi thẳng đến nhà hai đứa bé. Chúng thấy hào quang rực rỡ của Phật, vui mừng khôn xiết. Hai vợ chồng thấy thế ngạc nhiên, mỗi người một đứa đến chỗ Đức Phật hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn, hai đứa trẻ này sinh ra mới gần hai tháng mà đã biết nói chuyện như thế. Chúng con không biết lẽ gì, e rằng sau này chúng sẽ gây họa nên định phóng lửa đốt chết, song chưa kịp làm thì Phật đã đến. Không biết đây là ma quỷ gì, xin Đức Phật giải thích.

Quái lạ thay, hai đứa nhỏ trông thấy Đức Phật lại quơ tay chào lộ vẻ vui mừng. Đức Phật trông thấy hai đứa trẻ bèn mỉm cười, hào

quang năm sắc từ miệng phóng ra tỏa khắp đất trời, rồi bảo với cha mẹ đứa bé và nhân dân trong làng:

–Hai đứa bé này không phải ma quỷ mà là con phúc đức. Vào thời Đức Phật Ca-diếp chúng đã từng làm Sa-môn. Hai đứa thuở nhỏ đã kết bạn chung chí xuất gia, tu hành tinh tấn. Khi sắp đắc đạo, hai người bỗng khởi tà chướng ngăn giải thoát, tham đắm vinh hoa. Họ suy nghĩ sai lầm: “Chỉ cần tu phước sẽ sinh lên cõi trời, nếu sinh hạ giới cũng làm vua chúa trưởng giả.” Tà tướng vừa sinh liền thoái chuyển đạo tâm, không được Niết-bàn, rơi vào trong sinh tử, nhiều đời nhiều kiếp thường gần bên nhau. Đến đời Ta lại sinh đôi trong nhà nghèo này. Nhờ công đức cúng dường Phật quá khứ nên còn dư phước có thể độ được, tội hết phước sinh, biết tức mạng mình, nên nay Đức Thế Tôn đến đây để độ. Nếu Ta không độ, chúng sẽ bị lửa thiêu chết oan uổng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Đại nhân tánh vô dục
An trú nơi quang minh
Dù gặp cảnh khổ vui*

*An nhiên, trí hiện tiền.
Đại hiền không nhiễm đời
Không mong của, nước, con
Thường giữ đạo giới tuệ
Không tham phú quý tà.
Trí giả biết vô thường
Cảnh giác cây trên cát
Bạc chí không kiên cường
Như sắc trắng nhiễm màu.*

Đức Phật nói kệ xong, hai đứa bé thấy thân Phật liền vươn mình lớn lên như trẻ tám tuổi, rồi làm Sa-di chứng quả A-la-hán. Người trong làng thấy hào quang Phật, lại thấy hai đứa bé thay đổi lạ thường đều rất hoan hỷ, đặc quả Tu-đà-hoàn. Cha mẹ đứa bé dứt hết nghi ngờ chứng được pháp nhãn.

M

Phẩm 17: A-LA-HÁN

Thí dụ 34:

Thuở xưa, có một nước tên là Na-lê gần miền biển phía Nam. Dân chúng nước đó sống bằng nghề mò ngọc trai, tìm gỗ chiên-đàn. Trong nước có một nhà gồm hai anh em, cha

mẹ mới mất định chia tài sản ở riêng. Nhà có một người nô lệ tên là Phân-na tuổi nhỏ thông minh, rành việc buôn bán và ra biển kiếm ngọc trai. Cách chia gia tài của họ là: Nhà cửa tài sản tính làm một phần, nô lệ Phân-na tính làm một phần. Hai người rút thăm, người em bắt được phần nô lệ, bèn cùng vợ con với người nô lệ tay trắng ra đi. Lúc ấy tình hình sinh hoạt cơ khổ khó khăn, mà chỉ được có một người nô lệ, nên người em rất lo buồn không biết lấy gì để sống. Phân-na liền thưa với chủ:

–Xin ngài đừng lo, Phân-na này sẽ tìm cách trong thời gian ngắn ngài sẽ giàu có hơn người anh.

Người em nói:

–Nếu người làm được như vậy, ta sẽ trả tự do cho người làm thường dân.

Vợ người em có một số châu ngọc riêng bèn giao cho Phân-na làm vốn. Lúc đó hải triều lên, dân chúng trong thành ra mé biển nhặt củi. Phân-na đem châu ngọc ra ngoài thành gặp một đứa trẻ ăn xin vác củi. Trong bó củi có gỗ thơm Ngưu đầu chiên-đàn có thể trị bệnh nặng, một lượng đáng giá ngàn vàng.

Đây là cơ hội ngàn năm một thuở, Phân-na biết bèn đưa ra hai đồng tiền mua được bó cây đem về chặt ra làm vài mươi đoạn.

Lúc đó có một vị trưởng giả lâm bệnh nặng, cần hai lượng Nguưu đầu chiên-đàn điều chế thuốc uống, mà tìm không ra. Phân-na đem gỗ hương chiên-đàn đến đổi lấy được hai ngàn lượng vàng, rồi mua sắm hết số tiền kiếm được giúp người em giàu hơn anh gấp bội. Người em cảm niệm ân của Phân-na nên giữ đúng lời hứa cho Phân-na tự do, tùy ý làm gì thì làm. Phân-na liền từ giã gia đình người em ra đi học đạo. Phân-na đến nước Xá-vệ đánh lễ Phật rồi quỳ thẳng chấp tay thưa:

–Con là dòng dõi hạ tiện song rất hâm mộ đạo pháp. Xin Đức Thế Tôn rủ lòng Từ bi tế độ.

Đức Phật bảo:

–Lành thay, hãy lại đây Phân-na!

Phân-na râu tóc liền tự rụng, đầy đủ pháp phục thành vị Sa-môn. Đức Phật thuyết pháp cho Phân-na. Nghe xong, Phân-na y giáo tu tập chứng quả A-la-hán. Lúc đó A-la-hán Phân-na ngồi tư duy: “Ta sở dĩ ngày nay có được lục thông, tự do trước sinh tử là nhờ ân

của chủ nhân. Nay ta đến độ cho ông và nhân dân trong nước.”

Phân-na nghĩ xong trở về nước mình, tìm đến nhà chủ cũ. Người em gặp lại Phân-na vô cùng hoan hỷ mời vào nhà đãi ăn. Ăn uống rửa tay xong, Phân-na bay lên không trung, phân thân nửa mình phun nước, nửa mình phun lửa, hào quang rực rỡ rồi hạ xuống đất nói với người chủ cũ:

–Thần thông oai đức ngày nay tôi có được là nhờ ân ngài phóng xá cho tôi đến chỗ Phật tu học mới được như vậy.

Người chủ đáp:

–Phật thần thông oai đức, giáo hóa vi diệu như thế, tôi xin được gặp Phật để nghe lời dạy bảo.

Phân-na đáp:

–Chỉ cần ngài chí tâm thiết cúng trai soạn đầy đủ, Đức Phật có đủ Tam minh tất sẽ tự đến.

Người chủ nghe lời sắp đặt mọi thứ xong, bèn hương về Xá-vệ đánh lễ, thắp hương quỳ thẳng thành tâm cung thỉnh Đức Phật từ bi quang lâm, làm lợi ích cho mọi người.

Đức Thế Tôn liền biết được tâm niệm của

họ, nên cùng năm trăm vị A-la-hán dùng thần thông đến nhà đó. Quốc vương và dân chúng vô cùng cung kính đến chỗ Phật đánh lễ, rồi ngồi qua một bên. Thọ thực rửa tay xong, Đức Phật vì người chủ và vua quan nhân dân trong nước thuyết pháp. Nghe xong, tất cả đều hoan hỷ xin thọ Tam quy, Ngũ giới làm đệ tử Phật, rồi đứng lên khen ngợi Phân-na:

–Tại gia thì siêng năng, xuất gia thì đắc đạo, thần thức cao cả giúp gia đình và quốc gia đều được độ. Chúng tôi biết làm thế nào để đáp đền ân đức này?

Lúc ấy Đức Thế Tôn lại nói kệ khen ngợi Phân-na:

*Tâm đã an định
Ngôn hành lặng yên
Theo chánh giải thoát
Diệt độ an nhiên.
Bỏ dục, không nhiễm
Tam giới hết ngăn
Ý vọng dứt tuyệt
Là bậc Thượng nhân.
Xóm làng, đồng trống
Bình nguyên, núi cao
Nơi La-hán đến*

*Đều được hóa độ.
Bạc vui vắng lặng
Không ai làm đặng
Hạnh phúc thay! Vô dục
Không mong cầu, ước vọng.*

Đức Phật nói kệ xong, người chủ và vua càng thêm hoan hỷ, thỉnh Đức Phật lưu lại cúng dường trong bảy ngày, cả hai đều chứng quả Tu-đà-hoàn.

M

PHẨM 18: THUẬT THIÊN

Thí dụ 35:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại nước Xá-vệ. Trong nước có một vị Tỷ-kheo lớn tuổi tên là Bàn-đặc. Ông là người mới xuất gia, bảm tính tối dạ. Đức Phật sai năm trăm vị A-la-hán hàng ngày dạy ông, thế mà trong ba năm ông vẫn học không xong một bài kệ. Mọi người trong nước ai cũng biết ông ngu muội.

Đức Phật thương xót, bèn gọi ông lại dạy cho một bài kệ:

*Giữ miệng, thu nhiếp ý
Thân không phạm lỗi chi*

*Ai làm được như vậy
Sinh tử chẳng còn gì.*

Bàn-đặc cảm Phật ân từ, tâm hoan hỷ khai sáng, tụng thuộc bài kệ này.

Đức Phật bảo:

–Ông tuổi đã lớn mới thuộc được một bài kệ mà thông thường ai cũng biết, nên chẳng có chi là kỳ đặc. Ta nay sẽ giảng giải cho ông nghe nghĩa lý của bài kệ này, hãy nhất tâm lắng nghe.

Bàn-đặc vâng lời nhất tâm nghe giảng. Đức Phật vì ông mà nói nguyên nhân mà ba nghiệp thân, khẩu, ý tạo nghiệp, thân có ba, miệng có bốn, ý có ba. Và khuyên ông hãy quán chiếu những nghiệp này, sinh khởi như thế nào, chấm dứt ra sao. Chúng sinh trôi lăn không ngừng trong ngũ thú tam giới, do nó mà sinh Thiên, do nó mà đọa lạc, lại cũng nhờ nó mà đắc đạo quả, chứng Niết-bàn. Đức Phật vì Bàn-đặc giảng nói vô lượng diệu pháp.

Bàn-đặc nghe nói hoát nhiên tâm trí khai ngộ, liền chứng quả A-la-hán.

Lúc ấy có năm trăm vị Tỳ-kheo-ni ở tinh xá riêng. Đức Phật mỗi một ngày cử một vị Tỳ-kheo đến đó giảng kinh thuyết pháp. Hôm

sau là đến phiên Bàn-đặc sang bên Ni thuyết pháp. Ni chúng biết tin đều cười nhạo, khinh miệt nói với nhau: “Ngày mai hễ ông Bàn-đặc đến, chị em mình nói đón trước bài kệ đó cho ông ta nghe, khiến ông hổ thẹn câm miệng.”

Hôm sau, Bàn-đặc đến chỗ các Tỳ-kheo-ni. Các cô lớn nhỏ đều ra làm lễ, rồi ngó nhau cười khúc khích. Các cô mời Bàn-đặc ngồi rồi dọn đồ ra cúng dường. Thọ trai rửa tay xong, các cô lại thỉnh ông thuyết pháp. Bàn-đặc lên tòa cao, hạ mình khiêm tốn nói:

–Tôi là kẻ đức bạc tài sơ, chưa xứng làm bậc Sa-môn. Tánh tình lại vốn ám độn, không học hành chi nhiều, chỉ biết một bài kệ và hiểu sơ ý nghĩa của nó, nay sẽ vì các vị giải nói, xin hãy nhất tâm lắng nghe.

Các vị Tỳ-kheo-ni trẻ tuổi định nói đón trước bài kệ đó mà không sao mở miệng được. Tất cả đều kinh sợ tự trách, cúi đầu ăn năn.

Bàn-đặc liền như Phật đã dạy, giảng cặn kẽ về ba nghiệp thân, khẩu, ý gây tội phước ra sao, những pháp sinh Thiên, đắc đạo quả, ngưng thân, trừ vọng tưởng, nhập chánh định. Các Tỳ-kheo-ni nghe lời giảng vô cùng kinh ngạc, hoan hỷ nhất tâm lắng nghe, chứng

được quả A-la-hán.

Hôm sau, vua Ba-tư-nặc thỉnh Đức Phật và chư Tăng vào cung cúng dường. Đức Phật muốn hiển bày oai thần của Bàn-đặc nên giao bình bát cho ông cầm đi theo sau. Người gác cổng biết mặt Bàn-đặc là người ngu tối nên chẳng cho vào, khinh thường bảo:

–Ông là Sa-môn mà một bài kệ còn học không xong, nhận lời thỉnh vào cung làm gì? Tôi là người đời còn thuộc kinh, huống chi ông là Sa-môn lại không có trí tuệ. Cúng dường cho ông thật là vô ích. Thôi ông không cần vào cửa!

Lúc đó, Bàn-đặc đứng bên ngoài. Đức Phật ngồi trong cung rửa tay chân xong, Bàn-đặc liền cầm bát đuôi tay dài ra, đưa vào tận trong cung cho Đức Phật.

Vua và quần thần, phu nhân, thái tử chúng hội thấy có cánh tay mà không thấy người nên kinh ngạc hỏi Đức Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, đây là tay ai?

Đức Phật đáp:

–Đây là cánh tay của Tỳ-kheo Bàn-đặc gần đây mới đắc đạo. Ta lúc nãy giao cho ông ấy cầm bát, song người gác cửa lại chẳng cho

vào, nên ông phải duỗi tay dài ra trao bát cho Ta.

Vua nghe vậy liền cho mời Bàn-đặc vào. Lúc đó Bàn-đặc uy nghi rạng rỡ, thần thái khác thường.

Vua liền bạch Đức Phật:

–Con nghe đồn Tỳ-kheo Bàn-đặc tâm tánh ngu ám, mới biết được một bài kệ, vậy do duyên gì mà đắc đạo?

Đức Phật nói với vua:

–Học không cần phải nhiều, chủ yếu là phải thực hành những gì đã học. Bàn-đặc hiểu nghĩa một bài kệ, thâm nhập nghĩa lý, thân khẩu ý vắng lặng thanh tịnh như vàng ròng cõi trời. Người học nhiều mà lại không hiểu nghĩa, không thực hành, chỉ uổng tâm nhọc trí nào có ích gì?

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Tuy tụng ngàn chương
Không hiểu đúng nghĩa
Chẳng bằng một nghĩa
Nghe rồi diệt ác.
Tuy tụng ngàn lời
Không hiểu ích gì?
Chẳng bằng một nghĩa*

*Nghe hành được độ.
Tuy tụng kinh nhiều
Không hiểu ích gì?
Hiểu một câu pháp
Hành theo đấng đạo.*

Đức Phật nói kệ xong, ba trăm vị Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán. Vua và quần thần, phu nhân, thái tử không ai là không hoan hỷ.

M

Thí dụ 36:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ, vì hàng trời người thuyết pháp. Lúc ấy, trong nước có một vị trưởng giả Bà-la-môn tên là Lam-đạt, giàu sang tột đỉnh, của cải trong nhà không biết bao nhiêu mà tính.

Ông thường theo pháp Bà-la-môn làm một cái đàn cao cúng tế, để tỏ rõ danh tiếng của mình. Trút sạch gia tài mở hội đại bố thí, cúng dường cho hơn năm trăm ngàn vị Bà-la-môn. Trong vòng năm năm ông cung cấp các thứ y phục, giường chõng, thuốc men, cơm nước, của cải, báu vật và đồ đạc dành riêng cho miếu thờ theo ý thích đòi hỏi của các Bà-la-môn. Các vị ấy cũng vì trưởng giả mà tế tự chư

Thiên, các vị thần núi, thần sông, tinh tú, nước lửa không thiếu nơi nào trong vòng năm năm. Kỳ hạn năm năm cho trưởng giả mãi mãi hưởng phước sắp xong. Đến ngày cuối cùng có một cuộc bố thí lớn nhất đúng như pháp tắc của trưởng giả. Bát vàng đựng thóc bạc, bát bạc đựng thóc vàng, voi ngựa xe cộ, nô tỳ, của cải, đồ phục sức bằng thất bảo, giày dép, lọng dù, áo da hươu, tích trượng, sàng ngồi, thau chậu rửa tay chân, giường chiếu... tất cả những thứ cần dùng có hơn tám muôn bốn ngàn món đều đem bố thí hết.

Ngày ấy, tất cả Bà-la-môn đều đến đại hội. Quý thần, quốc vương, đại thần, quý tộc Bà-la-môn hàng hàng lớp lớp không ai là không hân hoan.

Đức Phật thấy việc đó than:

—Ông quý tộc Bà-la-môn này sao lại quá ngu si. Bố thí quá nhiều mà phước báo chẳng bao nhiêu, như gieo hạt giống vào lửa thì làm sao có được hoa trái? Nếu Ta không giáo hóa, ông ấy sẽ mãi mãi rời xa chánh đạo.

Đức Phật bèn chân chính pháp phục đến đó, phóng ra hào quang tỏa chiếu khắp chúng hội. Ai thấy cũng cho là việc chưa từng có,

kinh sợ không biết là vị thần nào.

Trưởng giả Lam-đạt và đại chúng vội đánh lễ Phật sát đất. Đức Phật thấy mọi người đều có tâm cung kính nên nói kệ:

*Tháng bỏ ngàn vàng
Suốt đời tế tự
Không bằng khoảnh khắc
Nhất tâm niệm pháp.
Phước báo một niệm
Hơn cúng suốt đời.
Dầu suốt cả trăm năm
Phụng thờ thần lửa
Không bằng phút giây
Cúng dường Tam bảo.
Phước một lần cúng
Hơn thờ trăm năm.*

Bấy giờ Đức Phật nói với trưởng giả Lam-đạt:

–Bồ thí có bốn việc. Thế nào là bốn?

1. Cúng thí nhiều được phước báo ít.
2. Cúng thí ít được phước báo nhiều.
3. Cúng thí nhiều được phước báo nhiều.
4. Cúng thí ít được phước báo cũng ít.

Sao là cúng thí nhiều được phước báo ít? Đây là chỉ người ngu si sát sinh để tế tự, uống

rượu ca vũ tổn hao của cải, không có phước tuệ.

Sao cúng thí ít được phước báo cũng ít? Đây là người vì keo kiệt ác ý mà cúng thí các đạo sĩ phạm tục, cả hai bên đều ngu si nên không có phước.

Sao gọi là cúng thí ít mà được phước báo nhiều? Đây là do lòng từ mà cúng thí cho bậc tu sĩ đạo đức, thọ thực xong các vị ấy tinh tấn tu học. Cúng thí như vậy tuy ít mà phước báo to lớn.

Sao gọi là cúng thí nhiều được phước báo nhiều? Nếu có bậc hiền giả giác ngộ cuộc đời vô thường, hảo tâm đem tiền của xây dựng chùa tháp, tinh xá, vườn cây, cúng dường Tam tôn đầy đủ tứ sự, phước báo này như nước năm sông chảy vào biển cả. Phước đức dồi dào đời đời không cùng tận. Đây chính là cúng thí nhiều phước báo càng nhiều. Thí như nhà nông làm ruộng, tùy ruộng đất màu mỡ hay cằn cỗi mà thu hoạch khác nhau.

Lúc ấy trưởng giả Lam-đạt và chúng hội thấy sức thần biến hóa của Phật nghe giảng pháp đều vô cùng hoan hỷ. Chư Thiên, quý thần đều đắc đạo Tu-đà-hoàn. Năm ngàn vị

Bà-la-môn xin xuất gia làm Sa-môn, sau đó đắc quả A-la-hán.

Trưởng giả Lam-đạt và gia đình lớn nhỏ đều thọ năm giới, thấy được dấu đạo. Quốc vương, đại thần đều thọ Tam quy y, làm Ưu-bà-tắc, đắc được pháp nhãn.

M

Thí dụ 37:

Thuở xưa, Đức Phật giáo hóa ở tinh xá nước Xá-vệ. Lúc ấy, trong thành La-duyệt-kỳ có một người ngu si hung bạo, bất hiếu với cha mẹ, khinh khi người lương thiện, không kính bậc tôn trưởng. Ông ấy làm ăn thất bại, không được như ý nên thờ phụng lửa để cầu ban phước. Pháp tắc thờ lửa, mỗi ngày khi mặt trời sắp lặn phải thắp lên một đồng lửa lớn rồi hướng về đó mà quỳ lạy, đến nửa đêm lửa tắt mới thôi.

Người ấy thờ như vậy ba năm mà không được phước, bèn chuyển qua thờ mặt trời, mặt trăng. Pháp tắc thờ là ban ngày khi mặt trời mới mọc, ban đêm khi mặt trăng vừa lên thì hướng về đó mà lễ lạy đến chừng nào lặn mới thôi. Người ấy thực hành như vậy ba năm mà

vẫn không được phước bèn chuyên qua thờ trời, đốt hương quỳ lạy, dâng lên hương hoa, rượu thịt, trâu bò heo dê tươi ngon cho đến khi nghèo túng mà vẫn không được phước báo.

Người ấy vì thể thân thể tiêu tụy, bệnh hoạn ra cửa không nổi. Một hôm ông nghe được ở nước Xá-vệ có Đức Phật là bậc chư Thiên tôn kính, nên định đến đó phụng sự, mong được phước báo. Ông liền cố gắng qua nước Xá-vệ tìm đến chỗ Phật. Tới trước cửa Phật khi nhìn thấy tôn dung uy nghiêm của Đức Phật hào quang rực rỡ như trăng sáng nổi bật giữa muôn sao, người ấy tâm sinh hoan hỷ, quỳ xuống đánh lễ Đức Thế Tôn rồi chấp tay thưa:

–Con sinh ra và lớn lên trong ngu muội, không biết gì đến Phật, Pháp, Tăng, chỉ lo thờ lửa, mặt trời, mặt trăng và các Thiên thần. Chín năm cần khổ ròng rã không được chút phước nào, mà thân thể con lại tiêu tụy, khí lực suy vi, bốn đại nhiều bệnh không biết sẽ chết ngày nào. Nay con biết được Đức Thế Tôn là Bậc Thầy cứu độ chúng sinh, nên từ xa lại đây quy y, xin ban cho ân phước.

Đức Phật nói với ông:

–Ông thờ phụng trước giờ toàn là yêu tà, quỷ mị. Cúng tế cầu đảo với những hạng ấy nhiều như núi thì tội lỗi cũng đầy ắp như sông biển! Sát sinh để cầu phước thì cách phước rất xa! Nếu ông trăm kiếp cần khổ sát sinh, đem tất cả bò dê trong thiên hạ ra tế tự cầu đảo, thì sẽ mang tội lớn như núi Tu-di mà phước chỉ nhỏ bằng hạt cải! Thật phí công phí của vô ích, há chẳng làm lẫn lăm sao? Lại nữa, ông là người bất hiếu với cha mẹ, khinh khi người hiền, chẳng kính tôn trưởng, kiêu mạn công cao, tam độc đầy dẫy, tội nghiệp ngày một sâu, do đâu mà được phước? Nếu ông có thể cải đổi tâm tánh, kính lễ bậc hiền, oai nghi lễ phép cung phụng bậc Trưởng lão, bỏ ác làm lành, tu sửa bản thân, trái lòng từ bi thì bốn phước mỗi ngày một tăng, đời đời không gặp họa hoạn. Bốn phước đó là gì?

1. Nhan sắc đoan chánh.
2. Khí lực mạnh mẽ.
3. An ổn không bệnh.
4. Trường thọ, không bị chết oan.

Nếu ông tinh tấn theo những hạnh trên, không chút giải đãi thì có thể đắc đạo.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Tể thần để cầu phước
Xét quả báo về sau
So kính lễ bậc hiền
Bốn phần không được một.
Biết lễ độ khiêm cung
Thường kính bậc trưởng lão
Bốn phước tự nhiên tăng
Sắc, lực, thọ, an ổn.*

Người đó nghe kệ xong hoan hỷ tin hiểu, đánh lễ Phật rồi lại thưa:

–Con vì tội cầu che ngăn đã gây ra tội lỗi trong suốt chín năm. Nay may nhờ lòng từ khai thị mới được thông hiểu. Xin Đức Thế Tôn cho con được xuất gia làm Sa-môn.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Hãy lại đây Tỳ-kheo!

Vị ấy râu tóc tự rụng, thành bậc Sa-môn. Sau đó, tinh cần quán niệm hơi thở, vị ấy chứng quả A-la-hán.

M

Phẩm 19: ÁC HẠNH

Thí dụ 38:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại nước La-duyệt-kỳ, sai một vị La-hán tên là Tu-mạn đem tóc và móng tay Phật đến núi phía Nam nước Kế tân xây chùa tháp Phật. Năm trăm vị La-hán trụ trong chùa đó, sớm chiều đốt hương đi xung quanh tháp lễ bái. Lúc ấy, trong núi có năm trăm con khỉ thấy các Đạo nhân cúng dường bảo tháp, liền kéo nhau đến bên khe núi sâu vác đất đá bùn sinh bắt chước xây một ngôi tháp, dựng cây làm cột rồi treo tràng phan lên đầu cây, sớm chiều lễ bái cũng như Đạo nhân. Một hôm nước lũ trong khe núi dâng cao, nhận chìm chết cả đàn khỉ. Thần thức chúng liền sinh lên cung trời Đạo-lợi thứ hai, ở trong cung điện thất bảo, việc ăn mặc tự nhiên có đầy đủ. Họ đều tự nghĩ: “Chúng ta do nhân duyên gì được sinh lên cõi trời này?”.

Rồi họ liền dùng Thiên nhãn tự nhìn thân mình thấy tiền thân là loài khỉ, nhờ bắt chước Đạo nhân xây tháp lễ bái chơi, tuy bị nước cuốn chết mà thần thức được sinh lên trời. Vì vậy họ muốn trở xuống đền ân thân cũ. Chư Thiên đó liền mang theo người hầu đem hương hoa, kỹ nhạc đến bên cây cũ rải hoa, đốt hương, đi nhiều quanh cây bảy vòng.

Lúc ấy, trong núi có năm trăm vị Bà-la-môn ngoại đạo tà kiến, không tin tội phước, thấy chư Thiên rải hoa, trỗi nhạc, đi nhiều quanh cây khi đều ngạc nhiên hỏi:

–Chư Thiên quang tướng uy nghi như vậy, có sao lại hạ mình cúng dường những cây chết này?

Các Thiên nhân đáp:

–Những thân này chính là thân cũ của chúng tôi. Ngày xưa, chúng tôi ở đây bắt chước các Đạo nhân lập tháp miếu chơi, bị nước khe dâng lên nhận chìm chết. Nhờ chút phước mọn đó nên nay được sinh Thiên. Hôm nay xuống rải hoa là để đền ân thân cũ. Chỉ đùa chơi làm chùa tháp mà còn được phước như thế, nếu chí tâm thờ Phật Thế Tôn phước đức đó thật khó mà ví dụ cho được. Các ông tà kiến không tin đạo chân chánh, thì dầu cực khổ siêng tu trăm kiếp cũng không được một chút lợi ích. Chi bằng ta hãy cùng nhau đến núi Kỳ-xà-quật đánh lễ, cúng dường Phật thì sẽ được phước vô lượng.

Các Bà-la-môn nghe vậy vô cùng hoan hỷ, cùng chư Thiên đồng đến chỗ Phật, thành tâm đánh lễ, rải hoa cúng dường.

Chư Thiên bạch Phật:

–Chúng con đời trước mang thân khỉ, nhờ ân Đức Thế Tôn mới được sinh Thiên, hận mình không được gặp Phật, nên nay đến để quy y.

Bạch Đức Thế Tôn, chúng con đời trước có tội gì mà phải mang thân khỉ, dầu xây dựng chùa tháp mà vẫn bị nước cuốn chết?”.

Đức Phật nói với các Thiên nhân:

–Việc này có nhân duyên, không phải tự nhiên mà có. Ta sẽ vì các ông mà nói rõ nguyên nhân.

Thuở xưa có năm trăm vị niên thiếu Bà-la-môn cùng nhau vào núi muốn học đạo Tiên. Lúc ấy, trên núi có một Sa-môn định xây một tinh xá bằng đất bùn. Vị ấy xuống khe suối lấy nước thân thể nhẹ như bay. Năm trăm Bà-la-môn thấy vậy sinh tâm ghen ghét, đồng thanh cười nhạo: “Ông Sa-môn này lên xuống lật đật như khỉ, có gì đâu lạ! Ông lấy nước như vậy mãi, có ngày sẽ bị nước nhận chết chìm!”.

Đức Phật kể xong bảo với các Thiên nhân: “Ông Sa-môn lên núi thuở đó chính là thân Ta, còn năm trăm vị Bà-la-môn niên thiếu

chính là năm trăm con khỉ đó, vì cười đùa gây tội mà phải mắc quả báo như vậy.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Đùa cười làm ác
Thân đã tạo nghiệp
Thọ báo khóc than
Theo đó tội đến.*

Đức Phật nói với các Thiên nhân:

–Các ông đời trước tuy là thân loài thú mà biết chơi đùa xây cất tháp miếu, nên tội diệt phước sinh, được sinh lên cõi trời. Ngày nay các ông lại biết đến đây phụng trì Chánh pháp, do nhân duyên này sẽ mãi mãi xa lìa các khổ.

Đức Phật giảng xong, năm trăm Thiên nhân đều thấy được đạo. Dù là Thiên nhân, nhưng vẫn chưa phải là người đắc đạo. Còn năm trăm Bà-la-môn được nghe giảng về quả báo tội phước đều tự than:

–Chúng ta học theo đạo Tiên đã mấy năm mà chưa được chút kết quả nào, không bằng đàn khỉ chỉ đùa chơi làm phước mà được sinh Thiên. Đạo của Phật quả thật vi diệu!

Bấy giờ năm trăm vị Bà-la-môn đánh lễ Đức Phật xin làm đệ tử. Đức Phật bảo:

–Lành thay, hãy lại đây các Tỳ-kheo!

Năm trăm vị đó liền thành tướng Sa-môn. Nhờ tu tập tinh tấn, chẳng bao lâu năm trăm vị ấy đều chứng quả A-la-hán.

M

Thí dụ 39:

Thuở xưa, Đức Phật trú tại tinh xá nước Xá-vệ thuyết pháp cho các hàng trời người. Lúc ấy, con thứ hai của vua tên là Lưu Ly, hai mươi tuổi đem tùy tùng bức vua thoái vị và giết chết thái tử anh mình là Kỳ-đà rồi tự lên ngôi.

Có một tên quan ác tâm tên là Da-lợi tâu với vua Lưu Ly:

–Vua lúc trước còn là hoàng tử sang nước Xá-di bên ngoài nhìn vào bên trong tinh xá của Phật bị dòng tộc Thích-ca mắng nhiếc hết kể nổi. Lúc đó đại vương đã thề rằng: “Nếu ta làm vua sẽ hỏi tội này.” Nay thời cơ đã đến, binh mã hùng mạnh nên báo oán xưa.

Lưu Ly nghe lời, liền cho chuẩn bị binh mã, kéo sang chinh phạt nước Xá-di.

Đức Phật có vị đại đệ tử thứ hai tên là Ma-ha Mục-kiền-liên. Ngài thấy vua Lưu Ly định tàn sát nước Xá-di để trả thù xưa, sẽ giết hại

bốn chúng đệ tử nên vô cùng thương xót. Ngài liền đến chỗ Phật thưa:

–Nay vua Lưu Ly vây đánh nước Xá-di, con nghĩ dân chúng vô tội sẽ chết oan, nên định đem bốn phương tiện cứu dân trong nước Xá-di.

1. Đem dân Xá-di để trên hư không.
2. Đem dân nước Xá-di giấu giữa biển.
3. Đem dân nước Xá-di giấu giữa hai ngọn núi Thiết vi.
4. Đem dân nước Xá-di để ở giữa nước lớn phương khác, khiến vua Lưu Ly không biết chỗ của họ.”

Đức Phật bảo:

–Này Mục-kiền-liên, Ta biết ông có khả năng trí đức che chở cho dân nước Xá-di. Nhưng chúng sinh có bảy việc không thể tránh khỏi. Bảy việc đó là gì? Một là sinh, hai là già, ba là bệnh, bốn là chết, năm là tội, sáu là phước, bảy là nhân duyên. Bảy điều này dầu ta muốn tránh nhưng không thể được. Dầu oai thần của ông có thể làm được chuyện đó, nhưng túc nghiệp, tội lỗi làm sao tránh được?

Mục-kiền-liên lễ Phật lui ra, nhưng vẫn

theo ý riêng đem bốn, năm ngàn người tín chủ tri thức đựng trong bát đặt ở khoảng giữa các tinh tú trên hư không. Vua Lưu Ly đánh nước Xá-di, giết khoảng ba ức người rồi kéo quân về nước.

Lúc đó, Mục-kiền-liên đến chỗ Phật đánh lễ, rồi tự hào thưa:

–Vua Lưu Ly đánh nước Xá-di, đệ tử thừa oai thần Phật cứu bốn năm ngàn người nước này. Nay những vị đó ở trên hư không đều được thoát nạn.

Đức Phật hỏi:

–Ông đã đến xem người trong bát chưa?

Đáp:

–Dạ chưa!

Đức Phật bảo:

–Ông hãy xem người trong bát trước đã.

Mục-liên vâng lời, dùng đạo lực đem bát xuống xem, không ngờ tất cả đều đã chết hết. Mục-kiền-liên buồn thương rơi lệ, trở lại chỗ Đức Phật thưa:

–Tất cả người trong bát đều chết cả! Oai lực thần thông không thể cứu họ thoát khỏi tội nghiệp đời trước.

Đức Phật bảo Mục-kiền-liên:

–Bây việc mà ta đã nói trước, dù Phật, Thánh chúng, thần tiên, đạo sĩ có oai lực ần minh, phân thân song cũng không thể tránh được.

Bây giờ Đức Phật lại nói kệ:

*Dầu hư không, biển cả
Hay núi đá xa xôi
Không nơi nào tránh khỏi
Quả ác nghiệp đã làm.
Chúng sinh bị não hại
Lão tử nghiệp trả vay
Bậc Bi Trí giải thoát
Không nhớ lỗi lầm ai.*

Đức Phật thuyết pháp xong, vô số người trong pháp hội hiểu được lẽ vô thường, đều buồn thương trước việc không thể tránh khỏi tội báo, hoan hỷ, chứng quả Tu-đà-hoàn.

M

Phẩm 20: ĐAO TRƯỢNG

Thí dụ 40:

Thuở xưa có một nước tên là Hiền Đề. Trong nước có vị Trưởng lão Tỳ-kheo thường đau yếu luôn, nằm liệt giường, gầy ốm dơ bẩn.

Thế mà trong tinh xá không có một ai trông nom săn sóc cho ông. Đức Phật dẫn năm trăm vị Tỳ-kheo đến đó, sai các vị ấy chăm nom, nấu cháo cho vị Trưởng lão Tỳ-kheo. Nhưng ai nghe mùi hôi thối của vị ấy đều nhòm tòm không dám đến gần.

Đức Phật sai Đế Thích lấy nước nóng, còn Ngài dùng tay Kim cang tắm rửa cho vị ấy. Lúc đó đại địa rung động rực rỡ hào quang ai thấy cũng kinh ngạc. Vua chúa, Quan dân, Thiên, Long, Quỷ, Thần đông đảo vô số đồng đến chỗ Đức Phật đánh lễ, bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn, Ngài là Bạc Tôn Quý trong đời, đầy đủ phước đức trí tuệ trong ba cõi không ai sánh bằng, sao lại hạ mình tắm rửa cho vị Tỳ-kheo già bệnh, thân thể hôi dơ này?

Đức Phật bảo với vua và chúng hội:

–Nhu Lai sở dĩ xuất hiện ra đời vì chính những người khổ ách không ai giúp đỡ như thế. Nếu ai cúng dường những Sa-môn đạo sĩ bệnh tật và những người già cô độc bần cùng sẽ được phước vô lượng, sở nguyện như ý, như nước năm sông chảy vào biển cả, phước này cũng mênh mông như vậy. Người ấy công

đức dần dần viên mãn rồi được đắc đạo.

Vua bạch với Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, vị Tỳ-kheo này đòi trước tạo tội nghiệp gì mà nay phải chịu bệnh khổ, nhiều năm thuốc men mà vẫn không thuyên giảm?

Đức Phật nói với vua:

–Thuở xưa có một vị vua tên là Ác Hạnh, dùng chính sách nghiêm bạo để trị dân. Ông giao quyền cho một võ sĩ tên Ngũ Bách lo việc đánh đập tra khảo tù nhân. Ngũ Bách dựa vào oai thế vua mà theo ý riêng tra khảo. Trước khi đánh đập Ngũ Bách đòi lo lót tiền bạc, nếu ai có sẽ được đánh nhẹ, nếu ai không có sẽ bị đánh đập tàn nhẫn. Nhân dân cả nước ai cũng sợ ông. Lúc ấy, có một vị hiền giả bị vu khống mắc tội, lúc sắp chịu đánh đập tra khảo, người ấy nói với võ sĩ: “Tôi là đệ tử Phật vốn không làm điều chi làm lỗi, chỉ bị người vu oan, xin ông hãy khoan thứ.”

Ngũ Bách nghe nói là đệ tử Phật nên nhẹ tay đánh sót qua thân.

Về sau Ngũ Bách chết, đọa vào địa ngục chịu đánh đập hành khổ, đến khi báo tận đọa vào súc sinh hơn năm trăm đời đều bị đánh

đập hành hạ. Khi hết tội sinh vào loài người thường yếu đuối bệnh hoạn thống khổ.

Vua nước ấy nay chính là Điều-đạt, võ sĩ Ngũ Bách nay chính là vị Tỳ-kheo bệnh tật này, còn vị Hiền giả chính là thân Ta. Ta đòi trước được ông ấy nhẹ tay đánh không trúng thân, nên đòi nay Ta đáp lại tự tay tắm rửa cho ông. Người gây tạo thiện ác thì phước họa sẽ theo thân, dầu trải qua bao lần sinh tử vẫn không tránh được.

Bảy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Đánh người vô tội
Vu báng người hiền
Sẽ mắc mười họa
Đến chết không thôi.
Một, sống khổ sở
Hai, thân tật nguyên
Ba, bệnh triền miên
Bốn, ý loạn sợ
Năm, bị vu báng
Sáu, mắc nạn quan
Bảy, của tan tác
Tám, người thân lìa.
Chín, của và nhà
Bị lửa cháy tiêu*

*Mười, sau khi chết
Phải đọa địa ngục.*

Lúc đó vị Tỳ-kheo bệnh nghe Đức Phật kể lại túc mạng và nghe được bài kệ này, tự biết việc làm sai lầm thối trước nên nhiếp niệm lấy mình, ngay trước Đức Phật bệnh tột dứt sạch, thân an ý định liền chứng quả A-la-hán. Vua nước Hiền Đề hoan hỷ tin hiểu, xin thọ Ngũ giới làm Phật tử tịnh tín, suốt đời tu hành, đắc được quả Tu-đà-hoàn.

M

Thí dụ 41:

Thuở xưa, Đức Phật thuyết pháp cho các hàng trời người ở tinh xá Kỳ thọ Cấp cô độc nước Xá-vệ. Phía Đông nước này có một nước tên là Uất-đa-la-ba-đề. Nơi đây có năm trăm vị Bà-la-môn định kéo nhau đến sông Hằng vì nghe nói bên bờ sông có ba ao thờ thần nên định tắm nước nơi đó để rửa sạch cấu uế, rồi khóa thân tu theo pháp của bọn Ni-kiền.

Đi giữa đường họ gặp một cái đầm lớn, lạc lối không làm sao qua được, lại thiếu thốn lương thực. Họ từ xa bỗng trông thấy một cội cây to như có thần khí, tưởng rằng có người ở

nên chạy đến bên gốc cây, song chẳng thấy ai cả. Năm trăm Bà-la-môn lớn tiếng than khóc, cho rằng chắc sẽ đói khát chết tại đằm này. Thọ thần liền hiện ra hình người đến hỏi các Bà-la-môn:

–Đạo sĩ các vị từ đâu đến và định làm gì?

Cả nhóm đồng thanh đáp:

–Chúng tôi định đến ao nước thần tắm rửa cầu tu đạo tiên. Nay lạc đường đói khát xin nhờ ông thương xót cứu giúp cho.

Thọ thần liền duỗi tay, một trăm món ăn uống ngon lành từ đó hiện ra. Mọi người được ăn một bữa no nê. Số thức ăn còn thừa đủ để mang theo dọc đường. Lúc sắp ra đi các Bà-la-môn đến chỗ thần hỏi thăm:

–Ngài trước đây tu tạo công đức gì mà được oai lực như vậy?

Thọ thần đáp:

–Tôi thuở trước ở nước Xá-vệ. Lúc đó có một đại thần trong nước tên là Tu-đạt. Ông ấy muốn cúng dường thức ăn cho Đức Phật và chúng Tăng nên ra chợ mua sữa tô lạc. Vì không có ai xách, nên Tu-đạt tìm mượn tôi xách giùm. Về đến tinh xá ông lại nhờ tôi múc ra cúng dường. Sau khi làm xong, tôi nhân đó

còn được nghe thuyết pháp. Tôi bỗng sinh tâm hoan hỷ, thọ trì trai giới, nên chiều về nhà không ăn cơm. Vợ tôi lấy làm lạ hỏi: “Ông giận gì mà không ăn cơm?”

Tôi đáp: “Tôi không giận gì cả. Hôm nay tôi đi chợ gặp trưởng giả Tu-đạt cúng dường thức ăn cho Đức Phật nơi vườn nên tôi đến đó trì trai. Trai gọi là Bát quan trai.”

Người vợ nghe nói nổi giận bảo: “Ông Cù-đàm làm loạn lễ thường, đâu đáng cho ông theo! Ông bỏ cả truyền thống thì sẽ gặp tai họa.”

Người vợ cứ cắn nhả thúc ép mãi, kệt quá tôi đành phải ăn cơm với vợ.

Đêm đó thọ mạng ta hết, lúc lâm chung vào lúc nửa đêm, thần thức thác sinh vào chỗ này. Vì người vợ ngu si phá hoại trai pháp của tôi, khiến tôi không trọn nghiệp lành nên phải thác sinh làm thọ thần nơi đằm này. Nhờ phước mang sữa lạc cho Đức Phật nên tay có thể hiện ra các món ăn uống. Nếu tôi giữ trai pháp trọn vẹn sẽ được sinh Thiên, hưởng mọi an lạc.

Thọ thần liền nói kệ:

Câu cúng gieo mầm họa

*Dần dần lớn lá cành
Chỉ khổ, hại bản thân
Trai pháp: tiên độ thế.*

Các Bà-la-môn nghe xong hết mê lầm, tin nhận, cùng nhau trở về, sang nước Xá-vệ. Trên đường họ đi ngang một nước tên là Câu-lam-ni. Trong nước có một vị trưởng giả tên là Mỹ Âm hay làm phước giúp đỡ mọi người, ai ai cũng tôn kính. Các Bà-la-môn ghé qua nhà ông nghỉ đêm. Trưởng giả hỏi:

–Các đạo sĩ từ đâu đến? Giờ định đi về đâu?

Các Bà-la-môn thuật lại công đức của thọ thần, tỏ ý muốn qua nước Xá-vệ đến chỗ ông Tu-đạt thọ trì trai pháp mong được phước đức.

Mỹ Âm nghe xong vô cùng hoan hỷ, căn lành thưở trước dấy khởi, tin hiểu Phật pháp. Ông bèn thông báo gia tộc ai muốn thì cùng đi theo thọ trai giới. Tất cả có năm trăm người xin theo, oai nghi trang nghiêm cùng nhau đến nước Xá-vệ. Chưa đến tinh xá Kỳ hoàn, giữa đường đoàn người gặp Tu-đạt, song không biết nên hỏi kẻ đi theo ông:

–Đây là ai vậy?

Đáp rằng:

–Đó chính là Tu-đạt!

Bà-la-môn và tất cả mọi người hoan hỷ đuổi theo Tu-đạt nói:

–Nguyện vọng của chúng ta thành rồi. Tìm người gặp người nên đuổi theo để ra mắt.

Khi gặp, mọi người thuật lại đầy đủ việc gặp thọ thần và nghe thọ thần kể chuyện ra sao, xong lại tiếp:

–Thọ thần tán thán công đức ông, nên chúng tôi đến để theo học. Xin hãy dừng xe chỉ dạy cho chúng tôi trai pháp.

Tu-đạt nói rằng:

–Các vị cầu mong điều thiện lớn. Tôn sư của tôi là Đức Như Lai luôn giúp đỡ và độ thoát cho mọi người. Nay Ngài đang ở tinh xá Kỳ hoàn rất gần, xin hãy cùng nhau đến đó.

Nghe xong tất cả đều kính mộ cùng Tu-đạt đến tinh xá Kỳ hoàn. Các Bà-la-môn xa trông thấy Đức Như Lai đều hoan hỷ khôn xiết, vội đánh lễ sát đất, lui về một bên rồi quỳ bạch Phật:

–Chúng con ban đầu rời nhà định đến ba ao thần tắm rửa cầu đạo tiên. Trên đường gặp Thọ thần kể lại mọi việc, nên đến đây xin theo Ngài tu học. Xin Đức Như Lai khai thị cho

pháp vi diệu tối thượng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dựa theo hạnh nghiệp của họ mà nói kệ:

*Dầu khỏa thân, cắt tóc
Mặc mãi áo cỏ gai
Tắm gội hay ngồi xồm
Sao hết được nghi hoặc?
Không đánh giết, thiêu đốt
Cũng không lán lướt ai
Từ bi với mọi người
Đến đâu cũng không oán.*

Năm trăm Bà-la-môn nghe kệ hoan hỷ, xin làm Sa-môn đăc được quả A-la-hán. Còn Mỹ Âm và thân tộc chúng được Pháp nhãn.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Năm trăm vị Bà-la-môn các vị trưởng giả đời trước tu tạo công đức gì mà nay mau chóng đạt đạo?

Đức Thế Tôn dạy:

–Trong thời quá khứ lâu xa, có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp. Ngài thuyết pháp cho các hàng đệ tử về thời ngũ trược vị lai. Lúc đó có một ngàn Bà-la-môn và trưởng giả nghe xong đồng phát nguyện: “Chúng con nguyện gặp Đức Phật Thích-ca Văn.” Các vị Bà-la-môn

thuở đó nay chính là các vị Bà-la-môn này. Còn các vị trưởng giả thuở đó là nhóm trưởng giả Mỹ Âm hiện nay. Do nhân duyên này họ gặp được Ta liền giác ngộ.

Các Tỳ-kheo nghe xong hoan hỷ làm lễ y giáo phụng hành.

